

Bản án số: **05** /2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 03 - 4 - 2018.

V/v tranh chấp: *Ly hôn*

*giữa chị T và anh V.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Trường**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông **Hồ Đình Quảng**  
- Bà **Nguyễn Thị Duyên**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*  
Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày **03** tháng **4** năm **2018** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 268/2017/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà **Đào Thị Thu T**, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Số 9A Nguyễn Văn Cừ, phường L, TP Q, Lâm Đồng.

\* **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Quang V**, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Thôn 4- xã X- huyện B- Lâm Đồng.

*(Bà T có mặt tại phiên tòa; ông V có đơn xin xét xử vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 9 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đào Thị Thu T và bị đơn ông Nguyễn Quang V trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện M, tỉnh Cần Thơ vào ngày 03/7/1992, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Bà T và ông V đều cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Từ năm 1995 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không hợp nhau về tính cách. Đến năm 2014 mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Bà T và

ông V đều cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà T yêu cầu ly hôn với ông V, còn ông V thì không đồng ý ly hôn vì cho rằng ông theo đạo Thiên Chúa.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn A1, sinh ngày 27/8/1993 và cháu Nguyễn A2, sinh ngày 11/3/1997. Do hai con chung đã thành niên nên bà T và ông V không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà T và ông V tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà T và ông V đều trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Đào Thị Thu T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T; xử cho bà T được ly hôn với ông V;

- Về con chung: Do cháu Nguyễn A1, sinh ngày 27/8/1993 và cháu Nguyễn A2, sinh ngày 11/3/1997 đã thành niên, bà T và ông V không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về tài sản chung*: Bà T và ông V tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về nợ chung*: Bà T và ông V đều trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

- **Về tố tụng**: Bà Đào Thị Thu T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp “Ly hôn” với ông Nguyễn Quang V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Nguyễn Quang V vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Quang V là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung**:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện M, tỉnh Cần Thơ vào ngày 03/7/1992, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Bà T và ông V đều cho rằng từ năm 1995 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không hợp nhau về tính cách. Đến năm 2014 do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và rất trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Bà T và ông V đều cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà T yêu cầu ly hôn với ông V, còn ông V thì không đồng ý ly hôn vì cho rằng ông theo đạo Thiên Chúa.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T đã làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì vợ chồng mâu thuẫn đã lâu và rất trầm trọng, không còn tình cảm với nhau và vợ chồng đã ly thân, đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được hạnh phúc. Còn ông V cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn cũng đã lâu, không hàn gắn được tình cảm và đã sống ly thân. Ông V không đồng ý ly hôn vì cho rằng ông theo đạo Thiên Chúa là không có cơ sở. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; xử cho bà T được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Bà T và ông V đều trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn A1, sinh ngày 27/8/1993 và cháu Nguyễn A2, sinh ngày 11/3/1997. Do 02 con chung đã thành niên, bà T và ông V không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Bà T và ông V tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: Bà T và ông V đều trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- Về án phí: Buộc bà T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

**1/ Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Thu T đối với ông Nguyễn Quang V về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho bà Đào Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Quang V.

**2/ Về con chung:** Do 02 con chung là cháu Nguyễn A1, sinh ngày 27/8/1993 và cháu Nguyễn A2, sinh ngày 11/3/1997 đã thành niên, bà Đào Thị Thu T và ông Nguyễn Quang V không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

**3/ Về tài sản chung:** Bà Đào Thị Thu T và ông Nguyễn Quang V tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

**4/ Về án phí:** Bà Đào Thị Thu T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005031 ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Đào Thị Thu T đã nộp đủ tiền án phí.

**5/ Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Nguyễn Đức Trường**